

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 16-4-2019.
“*V/v Tranh chấp ly hôn và con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.
2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Thắm – C/v Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 912/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H – Sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Số X đường Q, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông K (Tên gọi khác là K1) - sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số X đường Q, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà H trình bày có nội dung như sau:

Tôi (H) và ông K (Tên gọi khác là K1) đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/11/2000.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và xảy ra xích mích từ khoảng năm 2011, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có

tiếng nói chung, trong cuộc sống ông K không tôn trọng tôi và tôi cũng không còn niềm tin với ông K. Tháng 6 năm 2018, tôi đã nộp đơn xin ly hôn với ông K đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột nhưng vì đến tháng 8 năm 2018, ông K bị bắt tạm giam nên tôi thấy tội nghiệp và rút đơn. Tuy nhiên đến nay mâu thuẫn giữa tôi và ông K ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của tôi xin ly hôn với ông K.

- Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu B – Sinh ngày 24/5/2003. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu B cho đến khi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con cháu B.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại phiên tòa ông K vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông K trình bày có nội dung như sau:

Tôi K (Tên gọi khác là K1) và cô H tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/11/2000.

Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi chỉ có những mâu thuẫn lặt vặt, không có mâu thuẫn lớn, vợ chồng nuôi dạy con cái trong gia đình, Nay bà H xin ly hôn thì tôi không đồng ý. Tôi còn yêu thương vợ con và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu B – Sinh ngày 24/5/2003. Do tôi có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau: Tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản sao) số 277, ngày 05/6/2018 (bút lục số 10) thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa bà H với ông K1 nhưng Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột lại thụ lý và giải quyết ly hôn giữa bà H với ông K. Do đó, Tòa án cần xác minh làm rõ ông K và ông K1 có phải là một người hay không? Nếu không đúng đề nghị Tòa án căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự Trả lại đơn khởi kiện. Trường hợp xác định được ông K và ông K1 đúng là 01 người, tức người đăng ký kết hôn với bà H đúng là ông K, cần làm rõ lý do ông K bị tạm giam, để làm cơ sở xác định ông K có vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình không?.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông K (Tên gọi khác K1), đây là

vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay ông K (Tên gọi khác K1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt ông K là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân bà H và ông K (Tên gọi khác K1) đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/11/2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên bà H và ông K xảy ra mâu thuẫn. Nay bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H là phù hợp.

Xét về mâu thuẫn quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K: Tháng 8 năm 2018, bà H đã nộp đơn xin ly hôn với ông K tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Đến ngày 06/9/2018, bà H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 197/2018/QĐST-HNGĐ. Ngày 15/10/2018, do vợ chồng không đoàn tụ được nên bà H tiếp tục nộp đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông K là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Mặt khác, ngày 23/8/2018, ông K bị bắt tạm giam vì đã có hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, cho thấy ông K đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ của vợ chồng, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà H và ông K có một con chung là cháu B – Sinh ngày 24/5/2003. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, đồng thời tại Bản tự khai (bút lục số 30), cháu B cũng thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ là bà H. Do đó cần giao cháu B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét về quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại Giấy

chứng minh nhân nhân của ông K (Sao y bản chính) và Sổ hộ khẩu (Sao y bản chính) của ông K và tại biên bản làm việc về việc xác định họ và tên của bị đơn ngày 01/4/2019, biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, bản tự khai ngày 30/01/2019, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, ông K xác định cả tên K và K1 đều là tên của ông và đều là một người. Do đó, không cần thiết xác minh thu thập thêm tài liệu chứng cứ là phù hợp.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà H.

Bà H được ly hôn với ông K (Tên gọi khác K1).

- Về con chung: Giao con chung B – Sinh ngày 24/5/2003 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng để nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số AA/2017/0008348, ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương